***I/ Từ mới***

|  | **Từ mới** | **Từ loại** | **Ý nghĩa** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | xin phép | verb | 許可を得る |
| 2 | tung tăng | adj | 跳ね |
| 3 | mải | adverbs | 集中すぎて、他の事に気が付いていない |
| 4 | tung toé | adj | あちこちに(落ちる) |
| 5 | văng | verb | 飛ぶ |
| 6 | trượt chân | verb | スリップ |
| 7 | thất thanh | adj | 大声で叫ぶ |
| 8 | nhấc bổng | verb | 選び出す |
| 9 | ôn tồn giảng giải | adj | 優しく説明する |

***II/ Nghe lại câu chuyện và điền từ vào chỗ trống***

1. Ngày Chủ nhật, Gấu con xin phép mẹ ………………… chơi cùng các bạn.
2. Nếu làm sai điều gì, con phải ………….. Được ai …………….. thì con phải cảm ơn.
3. Gấu con ……………… chạy nhảy và mải …………. chim Sơn Ca hót nên va phải bạn Sóc khiến giỏ nấm …………. ………………. ra đất.
4. Sóc ngạc nhiên nói: “Sao Gấu con lại ……………, phải nói xin lỗi chứ!”.
5. Gấu con sợ quá kêu ……………: “Cứu tôi với! Ai cứu tôi!!!”.
6. Gấu con ……………..: “Cháu xin lỗi bác Voi. Cháu xin lỗi bác Voi!”.
7. Bác Voi cũng rất ………………, liền nói: “Sao Gấu con lại xin lỗi, phải nói cảm ơn chứ!”.
8. Về nhà, Gấu con ……………chuyện cho mẹ nghe. Gấu mẹ ôn tồn ……………: “Con nói như vậy là sai rồi.”
9. Khi làm ………….. của bạn Sóc, con phải xin lỗi. Còn khi bác Voi cứu con ra khỏi ………….., con phải cảm ơn”.
10. “Con nhớ rồi ạ!”, Gấu con ……………. nói.

***III/ Từ nội dung câu chuyện, hãy ghi “Đ" vào các mệnh đề đúng và “S" và các mệnh đề sai***

1. Gấu con bị nhầm lẫn cách dùng lời cảm ơn và lời xin lỗi
2. Gấu con đã xin lỗi bạn Sóc vì va vào bạn ấy
3. Gấu con đã cảm ơn bác Voi vì cứu mình khỏi hố sâu
4. Gấu mẹ đã giải thích cho Gấu con hiểu khi nào nên nói cảm ơn và xin lỗi
5. Mọi người không hề ngạc nhiên khi Gấu con nói cảm ơn và xin lỗi không đúng hoàn cảnh

***IV/ Tóm tắt lại câu chuyện đã nghe***